

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II
MÔN NGỮ VĂN, LỚP 6

T T	Kĩ năng	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TNK Q	T L	TNK Q	T L	TNK Q	T L	TNK Q	T L	
1	Đọc hiểu	Truyện ngắn	3	0	5	0	0	2	0		60
2	Viết	Nghị luận về vấn đề của đời sống	0	1*	0	1*	0	1*	0	1*	40
Tổng			15	5	25	15	0	30	0	10	100
Tỉ lệ %			20		40%		30%		10%		
Tỉ lệ chung			60%				40%				

Tài liệu được chia sẻ bởi Website VnTeach.Com
<https://www.vnnteach.com>
BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II
MÔN: NGỮ VĂN LỚP 6 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT

TT	Chương / Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thôn g hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Đọc hiểu	Truyện ngắn	Nhận biết: - Nhận biết được chi tiết tiêu	3 TN	5TN	2TL	

			biểu, nhân vật, đề tài, cốt truyện, lời người kể chuyện và lời nhân vật. - Nhận biết được người kể chuyện ngôi thứ nhất và người kể chuyện ngôi thứ ba. - Nhận ra từ đơn và từ phức (từ ghép và từ láy); từ đa nghĩa và từ đồng âm, các thành phần của câu. Thông hiểu: - Tóm tắt được cốt truyện. - Nêu được chủ đề của văn bản. - Phân tích được tình cảm, thái độ của người kể chuyện thể hiện qua ngôn ngữ, giọng điệu. - Hiểu và phân tích được tác dụng của việc lựa chọn ngôi kể, cách kể chuyện. - Phân tích được đặc điểm nhân vật thể hiện qua hình dáng, cử chỉ, hành động, ngôn ngữ, ý nghĩ của nhân vật. - Giải thích được nghĩa thành ngữ thông dụng, yếu tố Hán Việt thông dụng; nêu được tác dụng của các biện pháp tu từ (ẩn dụ, hoán dụ), công dụng của dấu chấm phẩy, dấu ngoặc kép được sử dụng trong văn bản. Vận dụng: - Trình bày được bài học về				
--	--	--	---	--	--	--	--

			cách nghĩ, cách ứng xử do văn bản gợi ra. - Chỉ ra được điểm giống nhau và khác nhau giữa hai nhân vật trong hai văn bản.				
2	Viết	Nghị luận về một vấn đề trong đời sống.	Nhận biết: Thông hiểu: Vận dụng: Vận dụng cao: Viết được bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống trình bày rõ vấn đề và ý kiến (tán thành hay phản đối) của người viết; đưa ra được lí lẽ rõ ràng và bằng chứng đa dạng				1TL*
Tổng				3 TN	5TN	2 TL	1 TL
Tỉ lệ %				20	40	30	10
Tỉ lệ chung				60		40	

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II

Môn Ngữ văn lớp 6

Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian giao đề

I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)

Đọc kĩ phần văn bản sau và trả lời các câu hỏi:

“ Không! Cuộc đời chưa hẳn đã đáng buồn, hay vẫn đáng buồn nhưng lại đáng buồn theo một nghĩa khác. Tôi ở nhà Bình Tư về được một lúc lâu thì thấy những tiếng nhốn nháo ở bên nhà lão Hạc. Tôi mãi một chạy sang. Một người hàng xóm đến trước tôi đang xôn xao ở trong nhà. Tôi xông xộc chạy vào. Lão Hạc đang vật vã ở trên giường, đầu tóc rũ rượi, áo quần xộc xệch, hai mắt long sòng sọc. Lão tru tréo, bọt mép sùi ra, khắp người chốc chốc lại giật mạnh một cái, nảy lên. Hai người đàn ông lực lưỡng phải ngồi đè lên người lão. Lão vật vã đến hai giờ đồng hồ rồi mới chết. Cái chết thật là dữ dội. Chẳng ai hiểu lão chết vì bệnh gì mà đau đớn và bất thành linh như vậy. Chỉ có tôi với Bình Tư hiểu.

Nhưng nói ra làm gì nữa! Lão Hạc ơi! Lão hãy yên lòng mà nhắm mắt! Lão đừng lo gì cho cái vườn của lão. Tôi sẽ cố giữ gìn cho lão. Đến khi con trai lão về, tôi

sẽ trao lại cho hẳn và bảo hẳn: “Đây là cái vườn mà ông cụ thân sinh ra anh đã cố để lại cho anh trọn vẹn; cụ thà chết chứ không chịu bán đi một sào...”

(Lão Hạc –Nam Cao, Sách Ngữ văn 8 - tập 1, trang 38, NXB GD, 6/2004)

Lựa chọn đáp án đúng:

Câu 1. Đoạn trích trên được kể theo ngôi thứ mấy?

- A. Ngôi thứ nhất
- B. Ngôi thứ hai
- C. Ngôi thứ ba
- D. Ngôi thứ nhất và thứ ba.

Câu 2. Nhân vật chính trong đoạn trích trên là ai ?

- A.Lão Hạc, Binh Tư
- B. Tôi (ông giáo), Lão Hạc
- C. Binh Tư, Ông giáo
- D. Con lão Hạc, hai người hàng xóm

Câu 3. Phương thức biểu đạt chính của đoạn trích là:

- A. Tự sự
- B. Miêu tả
- C. Biểu cảm
- D. Nghị luận

Câu 4. Vì sao em biết đoạn trích trên thuộc phương thức biểu đạt mà em vừa khoanh ở câu (3) ?

- A. Vì tái hiện trạng thái sự vật, con người
- B. Vì trình bày diễn biến sự việc
- C. Vì bày tỏ tình cảm, cảm xúc
- D. Vì nêu ý kiến , bàn luận

Câu 5 Việc lựa chọn ngôi kể của đoạn trích trên có tác dụng gì?

- A. Người kể có thể kể linh hoạt, tự do.
- B. Người kể có thể kể trực tiếp những gì mình nghe, mình thấy.
- C. Người kể có thể kể thoải mái mọi lúc, mọi nơi.
- D. Người kể có thể kể những câu văn mang tính khách quan.

Câu 6. Câu văn “Lão Hạc đang vật vờ ở trên giường, đầu tóc rũ rượi, áo quần xộc xệch, hai mắt long sòng sọc.” Có mấy từ láy?

- A. 1
- B. 2
- C. 3.
- D. 4

Câu 7. Câu văn “Đến khi con trai lão về, tôi sẽ trao lại cho hẳn và bảo hẳn “Đây là cái vườn mà ông cụ thân sinh ra anh đã cố để lại cho anh trọn vẹn; cụ thà chết chứ không chịu bán đi một sào”. Cho thấy lão Hạc là người thế nào?

- A. Con người sống rất tình nghĩa .
- B. Con người giàu yêu thương.

C. Con người thà chết để dành của cải lại cho con.

D. Con người sống trung thực .

Câu 8. Từ “thân sinh” trong câu “Đây là cái vườn mà ông cụ thân sinh ra anh đã cố để lại cho anh trọn vẹn; cụ thà chết chứ không chịu bán đi một sào”. Có nghĩa là:

A. Người sinh ra mình .

B. Người hết lòng thương mình.

C. Người quan tâm đến mình.

D. Người lo lắng cho mình.

Câu 9. Qua đoạn trích em thấy tình cảm của nhân vật “ tôi” với lão Hạc như thế nào?

Câu 10. Em hãy viết câu văn bày tỏ tình cảm của mình với cha mẹ? (viết 1 đến 2 câu)

II. LÀM VĂN (4.0 điểm)

Viết một bài văn trình bày ý kiến của em về vấn đề đội mũ bảo hiểm khi tham gia giao thông bằng xe đạp điện và xe máy.

----- Hết -----

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA CUOI HỌC KÌ I

Môn: Ngữ văn lớp 6

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
1		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	A	0,5
	2	B	0,5
	3	C	0,5
	4	C	0,5
	5	B	0,5
	6	D	0,5
	7	C	0,5
	8	A	0,5
	9	Nhân vật “ Tôi” quan tâm, thương cảm, ... cho cuộc đời lão Hạc	1
	10	HS viết câu văn bày tỏ tình cảm của mình với cha hoặc mẹ	1
II		VIẾT	4.0
		a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận.. Viết được bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống trình bày rõ vấn đề và ý kiến (tán thành hay phản đối) của người viết; đưa ra được lí lẽ rõ	0,25

		ràng và bằng chứng đa dạng.	
		<i>b. Xác định đúng yêu cầu của đề. Nghị luận vấn đề đội mũ bảo hiểm khi tham gia giao thông bằng xe đạp điện và xe máy.</i>	0,25
		c. Nghị luận về hiện tượng đội mũ bảo hiểm khi tham gia giao thông bằng xe đạp điện và xe máy. Học sinh có thể nghị luận theo nhiều cách khác nhau nhưng vẫn đảm bảo được các yêu cầu sau:	
		- Nêu vấn đề cần nghị luận: <i>Vấn đề đội mũ bảo hiểm khi tham gia giao thông bằng xe đạp điện và xe máy.</i> - Người viết tán thành ý kiến đã nêu. - Sử dụng lí lẽ. + <i>Đội mũ bảo hiểm khi tham gia giao thông là việc làm rất đúng đắn vì.....</i> - Nêu bằng chứng : xác thực (số liệu....) - Kết hợp lí lẽ với bằng chứng - Khẳng định lại sự tán thành ý kiến.	2,5
		<i>d. Chính tả, ngữ pháp</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt	0,5
		<i>e. Sáng tạo:</i> Bố cục mạch lạc, lí lẽ thuyết phục, dẫn chứng xác thực.	0,5